TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 63/2018/DS-PT
Ngày 17-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLDS-PT ngày 01 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐ-PT ngày 09/4/2018; Thông báo mở lại phiên tòa số 293/TB-TA ngày 04/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần T T, sinh năm 1962
Cư trú tại: Thôn 6, xã L Q, huyện B L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Thân V C, sinh năm 1970
Cư trú tại: Thôn 1, xã L Q, huyện B L, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Thân V C.

(*Ông C có mặt, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện 31/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần T T trình bày:

Bà và ông Thân V C là hàng xóm của nhau nên bà đã cho ông C vay tiền nhiều lần, bắt đầu cho vay từ năm 2016, trong các lần vay số tiền 10.000.000đ đến 20.000.000đ thì ông C đã trả xong. Tuy nhiên, đối với những lần vay sau thì ông C chưa trả cụ thể như sau: Ngày 01/9/2017 vay 60.000.000đ, ngày 17/10/2016 vay 40.000.000đ, ngày 25/3/2017 vay 70.000.000đ, ngày 04/4/2017 vay 100.000.000đ; tổng cộng là 270.000.000đ. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/01ngày. Vào ngày 02/5/2017 ông C trả được 20.000.000đ và ngày 15/5/2017 ông C trả được 50.000.000đ, tổng cộng ông C đã trả cho bà được 70.000.000đ tiền gốc, còn tiền lãi thì chưa trả. Hiện nay, ông C còn nợ 200.000.000đ tiền gốc và lãi. Nhưng bà chỉ yêu cầu ông C trả cho bà 200.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Khi cho vay tiền, ông C đã thế chấp cho bà 01 hộ chiếu số B9469058 đứng tên Thân V C có giá trị đến ngày 21/8/2024 và 01 CMND số 250521696 cấp ngày 05/02/1999 đứng tên ông Thân V C. Khi thế chấp không lập giấy tờ gì với nhau, bà đồng ý trả lại sau khi ông C trả hết nợ cho bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Thân V C trình bày:

Ông và bà T là chỗ quen biết như chị em nên ông đã vay tiền của bà T nhiều lần, bắt đầu vay từ năm 2013, trong đó có lần vay từ 10.000.000đ đến 30.000.000đ, lãi suất bằng 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày. Đến ngày 15/3/2017, hai bên chốt nợ thì ông còn nợ cả gốc và lãi là 130.000.000đ, cũng trong ngày này ông trả được 30.000.000đ tiền gốc và 6.500.000đ tiền lãi tính từ ngày 05/3/2017 đến ngày 15/3/2017. Ngày 05/4/2017, ông trả thêm 20.000.000đ tiền gốc và 5.000.000đ tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 05/4/2017. Ngày 04/5/2017 ông trả 50.000.000đ tiền gốc và 6.000.000đ tiền lãi, còn nợ lại 6.000.000đ tiền lãi tính từ ngày 05/4/2017 đến ngày 04/5/2017. Ông C cho rằng toàn bộ lời trình bày của bà T như trên là không đúng, cụ thể: Số lần vay vào ngày 01/9/2016, ngày 17/10/2016 ông đã trả xong. Còn ngày 25/3/2017 ông chưa trả và sau đó có vay thêm mấy lần nữa không nhớ. Tổng cộng là 100.000.000đ nên ông đã ghi vào sổ nợ của bà T vào ngày 04/4/2017 là 100.000.000đ và ông đã trả được 70.000.000đ tiền gốc như đã trình bày trên.

Tính từ ngày 04/5/2017 cho đến nay ông chỉ còn nợ lại bà T 30.000.000đ tiền gốc, tiền lãi tính từ ngày 05/4/2017 đến 04/5/2017 là 6.000.000đ và lãi trên nợ gốc 30.000.000đ từ ngày 05/4/2017 cho đến nay, ông đồng ý trả số nợ trên nhưng xin cấn trừ vào số nợ 110.000.000đ mà ông Trần D là con trai của bà T đã vay của ông.

Khi vay tiền, ông đã thế chấp cho bà T 01 hộ chiếu, 01 chứng minh nhân dân như bà T nêu trên.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện B L đã xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần T T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Thân V C.

- Buộc ông Thân V C trả cho bà Trần T T số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Buộc bà Trần T T trả cho ông Thân V C 01 hộ chiếu bản gốc số B9469058 đứng tên Thân V C có giá trị đến ngày 21/8/2024 và 01 CMND bản gốc số 250521696 cấp ngày 05/02/1999 đứng tên ông Thân V C.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/01/2018 bị đơn ông Thân V C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn bà Trần T T số tiền 30.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu ý kiến không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thân V C. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn bà Trần T T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Thân V C trả số tiền vay 200.000.000đ, không yêu cầu trả lãi. Về phía bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ số tiền 30.000.000đ nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông C, đối chiếu với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện:

Theo chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là ba tờ *"giấy mượn tiền"*(BL 26, 27,28) thì ngày 01/9/2016 bà T cho ông C vay 60.000.000đ, ngày 17/10/2016 bà T cho ông C vay 40.000.000đ và ngày 04/4/2017 bà T cho ông C vay 100.000.000đ,

tổng cộng là 200.000.000đ. Về phía bị đơn thừa nhận có viết và ký vào giấy mượn tiền do nguyên đơn xuất trình, nhưng cho rằng số tiền vay ngày 01/9/2016 và ngày 17/10/2016 đã trả xong. Còn một số khoản vay khác ông không nhớ nhưng tổng cộng chỉ là 100.000.000đ, vào ngày 04/4/2017 ông đã trả được 70.000.000đ (ông có ghi vào sổ nợ của bà T) nên số tiền gốc còn nợ lại của bà T chỉ là 30.000.000đ. Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay ông C lại không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, trong khi đó bà T không thừa nhận. Do nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông C trả số tiền nợ gốc và không yêu cầu tính lãi nên cấp sơ thẩm xác định phía bị đơn ông C còn nợ của nguyên đơn số tiền 200.000.000đ là có căn cứ.

Việc ông Thân V C trình bày có cho anh Trần D là con ruột của bà T vay số tiền 110.000.00đ và yêu cầu cấn trừ vào số tiền ông nợ của bà T. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xác định đây là một quan hệ dân sự khác, không có liên quan đến quyền và nghĩa vụ đối với vụ án này nên không giải quyết là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thân V C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thân V C: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B L về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" giữa nguyên đơn bà Trần T T với bị đơn ông Thân V C. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần T T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bị đơn ông Thân V C.

- Buộc ông Thân V C trả cho bà Trần T T số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Buộc bà Trần T T trả cho ông Thân V C 01 hộ chiếu bản gốc số B9469058 đứng tên Thân V C có giá trị đến ngày 21/8/2024 và 01 CMND bản gốc số 250521696 cấp ngày 05/02/1999 đứng tên ông Thân V C.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Thân V C phải chịu 10.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm tổng cộng là 10.300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ ông C đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005069 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B L. Bị đơn ông Thân V C còn phải chịu 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền án phí.

Hoàn trả lại cho bà Trần T T số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0004899 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. B L;
- CCTHADS H. B L;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự ;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Mừng